

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 12/03/2026.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chế Thị Mai và bà Nguyễn Thị Hiệp.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thương – Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

Ngày 12/3/2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi mở phiên
tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 221/2025/ TLST -
HNGĐ ngày 03-12-2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/01/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số A H, phường K, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Minh H1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 7 Bắc Kạn, thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2025, bản tự khai cũng như tại
phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày như
sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Minh H1 tự
nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006. Đến ngày
28/12/2023, anh, chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố K,
tỉnh Kon Tum (nay là phường K, tỉnh Quảng Ngãi). Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm
2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh H1
hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên kiểm soát quá mức khiến chị H bị trầm cảm và
vẫn đang phải điều trị trầm cảm từ hơn 03 năm nay tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng
anh H1 không hề quan tâm đến vợ và không biết gì về việc này. Anh, chị đã sống ly

thân từ tháng 08/2025 đến nay. Bên cạnh đó, từ khi sống chung thì anh **H1** không thường xuyên đưa tiền cho chị chăm lo cho gia đình, chỉ gần đây, khi chị nộp đơn ly hôn mới đưa được một ít để lo cho con. Chị phải tự quán xuyến chi tiêu trong nhà. Gia đình nội ngoại hai bên có giúp đỡ vợ chồng hòa giải nhưng không có kết quả. Chị thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Nguyễn Minh H1**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: **Nguyễn Anh K**, sinh ngày 28/12/2007 và **Nguyễn Ngọc Như Ý**, sinh ngày 14/3/2010. Khi ly hôn, chị **H** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung **Nguyễn Ngọc Như Ý**. Hiện, chị có nghề chăm sóc sắc đẹp nên có đủ thu nhập nuôi con. Đối với **Nguyễn Anh K** đã trên 18 tuổi và tự lập được nên không yêu cầu toà án giải quyết. Không yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, biên bản hoà giải ngày 09/01/2026, biên bản hoà giải ngày 29/01/2026 cũng như tại phiên tòa, bị đơn - anh **Nguyễn Minh H1** trình bày như sau:*

Anh và chị **Nguyễn Thị Thanh H** có chung sống như vợ chồng từ năm 2006 trên cơ sở tình yêu tự nguyện nhưng đến 28/12/2023, anh, chị mới đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là phường K, tỉnh Quảng Ngãi)**. Hai vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian, đến năm 2017 thì có phát sinh mâu thuẫn như chị **H** trình bày nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, không nghiêm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã về vấn đề kinh tế, nhiều lần anh muốn tâm sự với chị **H** nhưng chị **H** nghe không đúng ý là lại xảy ra cãi vã nên anh **H1** im lặng. Hai vợ chồng đã ly thân từ khi chị **H** nộp đơn ly hôn cho đến nay. Anh biết việc chị **H** đang điều trị trầm cảm 3 đến 4 năm nay nhưng nguyên nhân vì sao chị bị trầm cảm thì anh không rõ lắm, anh cho rằng do chị **H** lo nghĩ về chuyện tiền bạc gia đình. Chị **H** nói anh không đưa tiền cho chị **H** chăm lo gia đình là không đúng. Anh vẫn làm nhiều công việc để kiếm tiền lo cho vợ con. Lúc thì làm thợ vẽ, lúc thì làm việc này, việc kia để kiếm tiền. Hiện tại, anh đang bỏ mối trái cây. Anh vẫn có đưa tiền và lo cho vợ con có cuộc sống tốt. Anh nghi ngờ chị **H** đang có tình cảm với người khác nên muốn ly hôn nhưng anh không có chứng cứ. Hiện tại anh vẫn còn tình cảm với chị **H** nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: **Nguyễn Anh K**, sinh ngày 28/12/2007 và **Nguyễn Ngọc Như Ý**, sinh ngày 14/3/2010. Cháu **Như Ý** còn nhỏ nên cần cha, mẹ nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn thì anh cũng muốn được nuôi con nhưng anh vẫn tôn trọng nguyện vọng của con. Con muốn ở với ai thì người đó được trực tiếp nuôi dưỡng, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu **Nguyễn Anh K** đã trưởng thành và tự lập nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh **H1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự hiện hành. Bị đơn - anh Nguyễn Minh H1 cư trú tại phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Minh H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là phường K, tỉnh Quảng Ngãi) vào ngày 28/12/2023 theo đúng quy định về điều kiện kết hôn và thủ tục kết hôn quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình hiện hành. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Minh H1 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị H xác định quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 do nguyên nhân chính là anh H1 hay ghen tuông vô cớ, kiểm soát quá mức khiến chị H quá mệt mỏi về tinh thần, bị trầm cảm nặng và vẫn đang phải điều trị nhiều năm nay. Bên cạnh đó, anh H1 không có trách nhiệm về kinh tế gia đình. Anh chị đã ly thân từ tháng 08/2025 đến nay, việc ai người nấy làm. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh H1 nên cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh H1.

Còn phía anh Nguyễn Minh H1 xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017. Hai người đã ly thân từ tháng 10/2025 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2017, chị H bị trầm cảm phải điều trị hơn 3 năm nay và hai vợ chồng sống ly thân nhiều tháng được các bên đương sự thừa nhận. Căn cứ vào điểm này, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã kéo dài và thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H.

[4] Về con chung: Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Như Ý – sinh ngày 14/3/2010. Anh H1 tuy cũng muốn nuôi con nhưng vẫn tôn trọng nguyện vọng của con. Cháu Nguyễn Ngọc Như Ý có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình hiện hành, giao cháu Nguyễn Ngọc Như Ý cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng,

giáo dục là phù hợp. Cháu **Nguyễn Anh K**, sinh năm 2007 đã trưởng thành và tự lập, chị **H** và anh **H1** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Anh **H1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **H** và anh **H1** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn - chị **Nguyễn Thị Thanh H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" đề ngày 23/10/2025 của nguyên đơn - chị **Nguyễn Thị Thanh H**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Thanh H** được ly hôn anh **Nguyễn Minh H1**.

2. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 14/3/2010 cho chị **Nguyễn Thị Thanh H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi và tự lập được.

Anh **Nguyễn Minh H1** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Nguyễn Minh H1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị **Nguyễn Thị Thanh H** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **H** đã nộp theo biên lai số 0002571 ngày 26/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị **H** đã nộp đủ tiền án phí.

4. Căn cứ các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (12/3/2026), các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. /.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV 7 - Quảng Ngãi;
- UBND phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Phương Loan